

Bản tin Phân tích kỹ thuật

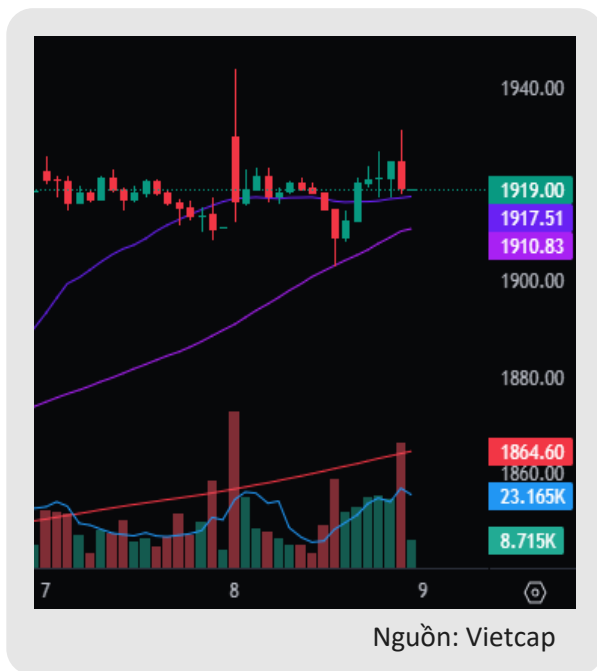
08/10/2025



Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HDTL chỉ số VN30



Nhận định:

- Mặc dù đóng cửa trên các đường MA20 và MA50 về cuối ngày nhưng hợp đồng 41I1FA000 đã gặp cản trở và chịu áp lực bán hai lần liên tiếp khi tiếp cận vùng 1.930-1.935 điểm. (M15)
- Vị thế bán sẽ được kích hoạt nếu xuất hiện sự vi phạm đường MA20 (1.917 điểm) với mục tiêu kiểm định lại vùng giá thấp 1.903 điểm, dừng lỗ khi xuất hiện giá đóng cửa trên ngưỡng 1.925 điểm. (M15)

Chiến lược:

- Bán khi vi phạm (SS): 1.917 điểm
- Mục tiêu (TP): 1.903 điểm
- Dừng lỗ (SL): 1.925 điểm

Quan điểm kỹ thuật

	Ngắn hạn	Trung hạn
VN-Index	Tích cực	Tích cực
VN30	Tích cực	Tích cực
VNMid	Trung tính	Tích cực
VNSmall	Tiêu cực	Trung tính
HNX	Trung tính	Tích cực

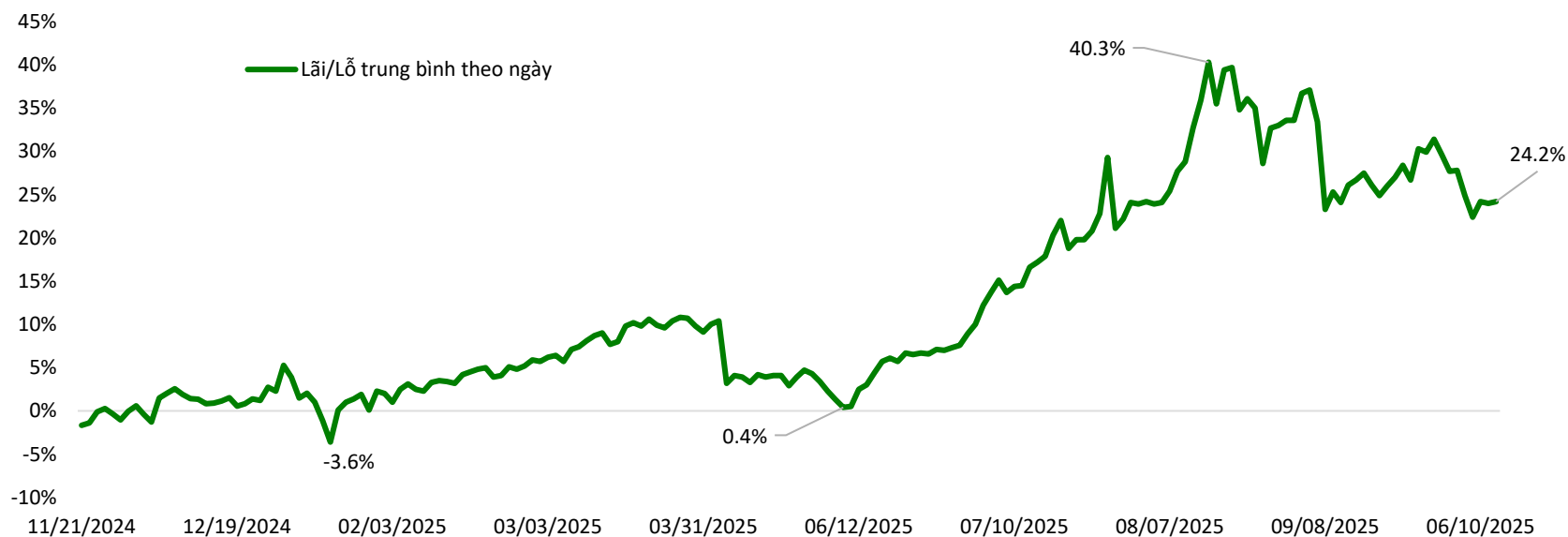


Nguồn: Vietcap

- Mặc dù được hỗ trợ về mặt tin tức nhưng chỉ số VN-Index vẫn chưa vượt được vùng cản tâm lý 1.700-1.711 điểm và áp lực chốt lãi giá cao vẫn hiện hữu, thể hiện qua hoạt động tăng giảm co của chỉ số trong ngày. Chỉ số VN30 diễn biến tương đồng quanh vùng giá cao. Trong ngắn hạn, tín hiệu Tích cực vẫn duy trì trên chỉ số VN-Index và VN30. Các chỉ số VNMidcap, VNSmallcap và HNX-Index chưa thay đổi tín hiệu so với phiên 07/10.
- Trong các phiên 06-08/10, tín hiệu kỹ thuật cải thiện nhiều ở nhóm Ngân hàng, Chứng khoán và Bảo hiểm, các nhóm ngành còn lại có hoạt động tăng giá trên cổ phiếu thành phần nhưng chưa đủ để thay đổi tín hiệu xu hướng trong cả ngắn và trung hạn. Về hoạt động giao dịch, mặt bằng thanh khoản nhìn chung đều cải thiện trên tất cả các nhóm ngành. Tuy nhiên, phần lớn cổ phiếu sàn HOSE đều thu hẹp đà tăng tại mức giá cao có được từ đầu ngày, điển hình là nhóm Chứng khoán.
- Vùng 1.680 điểm (quanh đường MA5) sẽ hỗ trợ cho đà tăng ngắn hạn trên VN-Index trong thời gian tới. Chúng tôi duy trì kịch bản chốt lãi/giảm tỷ trọng ở vị thế ngắn hạn khi chỉ số tiếp cận biên độ 1.710-1.735 điểm và chưa loại trừ kịch bản kém khả quan cho khả năng hình thành nhịp giảm với biên độ cao về vùng 1.620 điểm nếu hỗ trợ 1.680 điểm bị vi phạm.

Bảng theo dõi những vị thế đang mở

BẢNG THEO DÕI NHỮNG VỊ THẾ ĐANG MỞ										
Mã	Ngày mở	Ngày đóng	Trạng thái	Giá hiện tại	Giá mở	Lãi/Lỗ hiện tại	Ngưỡng dừng lỗ	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ mới	Giá mục tiêu mới
HPG	25/09/2025		Đang mở	29,200	29,050	0.5%	27,600			



Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VHM	107,500	4.27%	6.23%	441,547	4.164	6,984	2.1	15.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
VCB	64,600	1.41%	4.28%	539,777	1.685	4,148	2.5	15.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
VIC	178,100	-1.06%	4.76%	686,222	-1.601	3,487	4.8	51.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
CTG	52,900	2.52%	2.72%	284,073	1.581	5,608	1.8	9.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VNM	63,400	3.26%	2.09%	132,503	0.954	4,101	4.2	15.5	Tích cực	Trung tính	Tích cực	Trung tính
MWG	80,800	3.59%	3.99%	119,459	0.948	3,304	4.0	24.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
GEE	125,700	6.98%	-1.80%	46,006	0.709	5,389	6.8	23.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VRE	36,300	3.71%	9.50%	82,485	0.677	1,937	1.9	18.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TCB	38,600	-1.03%	0.13%	273,529	-0.620	3,017	1.7	12.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
STB	59,900	2.39%	0.17%	112,924	0.597	6,148	1.9	9.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HVN	34,900	1.75%	-0.14%	108,591	0.420	3,799	-28.9	9.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
LPB	52,000	-1.14%	1.96%	155,339	-0.392	3,324	3.8	15.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
FPT	94,500	-1.05%	1.18%	160,981	-0.372	5,092	4.8	18.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACB	26,750	1.13%	3.68%	137,406	0.344	3,305	1.6	8.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
HPG	29,200	0.69%	3.18%	224,124	0.342	1,750	1.8	16.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
KSF	90,900	0.66%	4.48%	81,791	0.213	700	16.9	129.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
KSV	147,500	1.24%	-4.59%	29,500	0.143	7,830	7.4	18.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BAB	13,500	-2.17%	0.75%	13,543	-0.115	1,157	1.1	11.7	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
CEO	24,900	2.05%	-3.11%	14,129	0.113	354	2.3	70.3	Trung tính	Trung tính	Tích cực	Trung tính
SHS	26,600	1.14%	3.10%	23,793	0.106	1,148	2.1	23.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
PVS	32,400	1.25%	-1.22%	15,486	0.076	2,644	1.1	12.3	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
IDC	37,600	-1.31%	-3.84%	14,269	-0.073	3,977	2.5	9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PGS	46,500	5.68%	3.33%	2,325	0.052	2,368	2.4	19.6	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
NVB	14,900	0.68%	2.76%	17,502	0.046	-5,056	2.7	-3.0	Tích cực	Trung tính	Tích cực	Trung tính
HUT	16,900	-0.59%	-3.43%	18,054	-0.042	175	2.1	96.4	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
MSR	24,600	6.03%	3.80%	26,221	0.060	-707	2.2	-33.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MVN	53,000	1.92%	-1.85%	62,509	0.046	1,312	4.7	39.7	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SEA	53,800	12.08%	14.23%	6,694	0.031	1,435	2.8	37.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DNH	48,100	-3.80%	6.42%	20,317	-0.029	2,587	3.9	18.6	Tích cực	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MCH	131,800	-0.53%	2.33%	139,853	-0.028	9,005	8.3	14.7	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
ACV	56,200	0.36%	1.08%	201,438	0.027	2,751	3.2	20.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGI	68,700	0.29%	0.44%	209,722	0.023	1,913	5.6	36.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SSH	86,600	-1.70%	-2.91%	32,575	-0.021	633	5.7	137.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SIG	18,500	-5.61%	-5.61%	8,360	-0.018	1,818	1.2	10.2	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
FOX	64,700	0.62%	0.31%	47,867	0.011	4,151	5.1	15.6	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực

Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

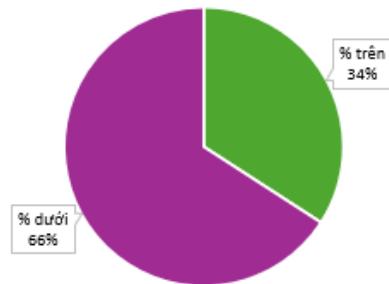
VƯỢT ĐỈNH 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VHM	107,500	4.3%	941.8	480.9	37,750	105,900	2.1	15.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
CTG	52,900	2.5%	630.6	479.0	33,100	52,500	1.8	9.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MWG	80,800	3.6%	1392.4	685.8	45,593	80,300	4.0	24.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
STB	59,900	2.4%	615.7	524.5	31,950	59,800	1.9	9.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VRE	36,300	3.7%	611.4	219.7	16,100	35,000	1.9	18.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MSR	24,600	6.0%	37.3	46.0	10,400	24,200	2.2	-33.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ANV	32,250	7.0%	121.3	111.8	12,400	31,600	2.6	17.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HHS	19,100	4.1%	168.1	100.9	6,940	18,950	0.9	1.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DCL	30,400	0.7%	42.5	18.9	19,850	30,200	1.5	52.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
CDC	34,400	6.5%	22.6	23.2	12,648	33,300	2.6	35.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TVC	11,900	0.8%	5.3	8.4	6,900	11,800	0.8	10.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
HHP	10,700	7.0%	11.0	1.8	8,140	10,000	1.0	26.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

PHÁ ĐÁY 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
BCG	2,530	-0.8%	37.2	21.4	2,550	6,700	0.2	4.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SGR	20,400	-0.2%	7.9	14.5	20,450	43,300	1.0	7.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

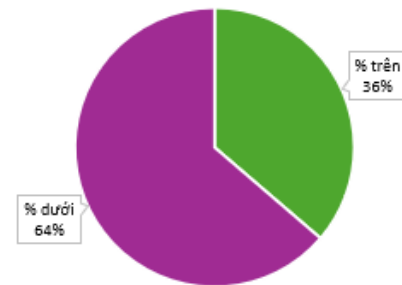
KLGD ĐỘT BIẾN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VLC	15,100	0.7%	9.0	2.1	13,300	19,000	0.9	57.0	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
AVG	15,000	0.0%	9.2	3.5	13,400	34,000	1.1	16.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GEE	125,700	7.0%	194.9	64.4	22,606	129,795	6.8	23.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VEF	181,800	0.4%	9.8	3.3	128,817	197,629	2.5	1.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

MA20



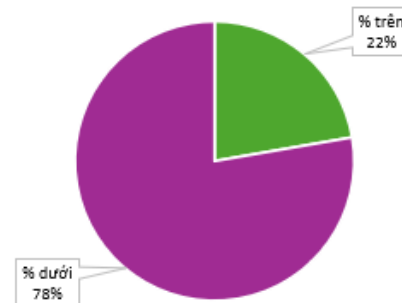
MA50



MA200



MA20, 50, 200



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			08/10/2025	07/10/2025	06/10/2025	03/10/2025	02/10/2025	01/10/2025	30/09/2025	29/09/2025	26/09/2025	25/09/2025	24/09/2025	23/09/2025	22/09/2025	19/09/2025	18/09/2025	17/09/2025
VNINDEX	MA200	Trên	62%	61%	63%	61%	61%	64%	63%	65%	66%	67%	67%	65%	66%	68%	68%	69%
		Dưới	38%	39%	37%	39%	39%	36%	37%	35%	34%	33%	33%	35%	34%	32%	32%	31%
	MA50	Trên	38%	37%	39%	31%	34%	41%	40%	46%	50%	51%	50%	47%	48%	54%	55%	59%
		Dưới	62%	63%	61%	69%	66%	59%	60%	54%	50%	49%	50%	53%	52%	46%	45%	41%
	MA20	Trên	32%	29%	37%	22%	24%	28%	27%	33%	38%	43%	38%	35%	35%	45%	45%	49%
		Dưới	68%	71%	63%	78%	76%	72%	73%	67%	62%	57%	62%	65%	65%	55%	55%	51%
VN30	MA200	Trên	77%	77%	77%	73%	77%	77%	77%	77%	80%	80%	77%	77%	80%	83%	83%	83%
		Dưới	23%	23%	23%	27%	23%	23%	23%	23%	20%	20%	23%	23%	20%	17%	17%	17%
	MA50	Trên	63%	63%	67%	33%	50%	60%	50%	57%	60%	63%	67%	60%	57%	67%	77%	80%
		Dưới	37%	37%	33%	67%	50%	40%	50%	43%	40%	37%	33%	40%	43%	33%	23%	20%
	MA20	Trên	57%	50%	70%	20%	27%	27%	27%	17%	13%	17%	20%	20%	10%	30%	47%	53%
		Dưới	43%	50%	30%	80%	73%	73%	73%	83%	87%	83%	80%	80%	90%	70%	53%	47%
HNX	MA200	Trên	55%	55%	56%	54%	55%	56%	57%	57%	57%	59%	59%	59%	59%	60%	61%	62%
		Dưới	45%	45%	44%	46%	45%	44%	43%	43%	43%	41%	41%	41%	41%	40%	39%	38%
	MA50	Trên	38%	37%	41%	35%	37%	37%	40%	40%	42%	47%	43%	42%	44%	49%	51%	51%
		Dưới	62%	63%	59%	65%	63%	63%	60%	60%	58%	53%	57%	58%	56%	51%	49%	49%
	MA20	Trên	55%	55%	56%	54%	55%	56%	57%	57%	57%	59%	59%	59%	59%	60%	61%	62%
		Dưới	45%	45%	44%	46%	45%	44%	43%	43%	43%	41%	41%	41%	41%	40%	39%	38%
UPCOM	MA200	Trên	35%	33%	35%	31%	33%	34%	34%	35%	36%	34%	32%	31%	32%	36%	34%	35%
		Dưới	65%	67%	65%	69%	67%	66%	66%	65%	64%	66%	68%	69%	68%	64%	66%	65%
	MA50	Trên	36%	35%	36%	34%	36%	36%	36%	34%	34%	33%	34%	32%	34%	36%	36%	37%
		Dưới	64%	65%	64%	66%	64%	64%	64%	66%	66%	67%	66%	68%	66%	64%	64%	63%
	MA20	Trên	45%	45%	45%	44%	45%	45%	46%	45%	46%	46%	46%	45%	46%	47%	46%	46%
		Dưới	55%	55%	55%	56%	55%	55%	54%	55%	54%	54%	54%	55%	54%	53%	54%	54%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành 17		Tháng 10										Tháng 9									
		08	07	06	03	02	01	30	29	26	25	24	23	22	19	18	17	16	15	12	11
1	Ngân hàng	71	73	65	59	59	58	58	57	63	64	61	54	54	67	70	72	74	73	76	77
2	Dịch vụ tài chính	63	63	51	44	49	50	48	48	60	61	57	51	54	60	62	64	65	67	68	69
3	Xây dựng và Vật liệu	63	62	56	56	59	62	66	70	75	74	67	61	60	55	55	56	65	62	57	55
4	Y tế	62	58	56	56	58	63	63	66	67	70	67	62	60	60	61	62	64	62	56	54
5	Bất động sản	61	61	55	54	59	64	68	69	72	70	67	65	63	63	64	67	72	71	73	72
6	Thực phẩm và đồ uống...	60	61	57	53	56	55	52	52	59	60	59	56	58	60	62	65	67	63	61	59
7	Tài nguyên Cơ bản	59	61	58	57	55	58	64	68	71	73	72	69	69	69	70	72	73	71	66	65
8	Bán lẻ	55	53	42	37	39	42	40	43	51	55	51	47	54	50	55	59	58	54	47	45
9	Du lịch và Giải trí	55	45	40	38	47	47	45	43	44	44	44	46	46	51	45	48	47	49	45	45
10	Bảo hiểm	51	56	51	52	54	59	54	52	50	44	43	44	47	50	53	56	58	59	67	65
11	Hàng & Dịch vụ Côn...	47	50	45	41	42	43	45	43	52	51	48	47	48	49	49	50	53	53	50	50
12	Điện, nước & xăng d...	44	45	45	45	48	50	50	52	55	56	54	57	56	57	55	56	57	50	52	48
13	Ô tô và phụ tùng	40	40	38	38	40	39	40	42	48	49	47	45	46	50	51	52	57	52	51	47
14	Hóa chất	35	36	34	34	38	38	40	43	48	49	44	43	42	43	46	48	52	48	42	38
15	Dầu khí	34	36	31	33	35	35	44	48	51	49	46	43	42	46	53	56	52	51	55	51
16	Hàng cá nhân & Gia ...	31	33	26	25	26	28	32	35	40	41	45	47	57	55	56	60	64	56	48	46
17	Công nghệ Thông tin	29	31	29	29	28	30	35	36	46	52	50	51	54	58	61	58	50	44	40	35

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	178,100	-1.1%	4.8%	686,222	4.8	51.1	3,487	583.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VCB	64,600	1.4%	4.3%	539,777	2.5	15.6	4,148	520.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
VHM	107,500	4.3%	6.2%	441,547	2.1	15.4	6,984	941.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
CTG	52,900	2.5%	2.7%	284,073	1.8	9.4	5,608	630.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VPL	86,600	0.0%	8.0%	155,300	4.9	59.1	1,465	57.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực
ACB	26,750	1.1%	3.7%	137,406	1.6	8.1	3,305	486.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
VNM	63,400	3.3%	2.1%	132,503	4.2	15.5	4,101	370.8	Tích cực	9.5	Trung tính	Tích cực	Trung tính
STB	59,900	2.4%	0.2%	112,924	1.9	9.7	6,148	615.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HDB	31,450	0.5%	1.8%	109,920	1.8	7.7	4,094	511.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
SSI	41,200	1.0%	6.7%	85,528	3.0	26.3	1,568	2,227.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
VRE	36,300	3.7%	9.5%	82,485	1.9	18.7	1,937	611.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VEA	40,000	0.5%	1.3%	52,905	1.8	7.0	5,656	10.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TPB	19,450	0.5%	0.8%	51,386	1.3	8.0	2,423	412.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
GEX	55,200	1.1%	-1.4%	49,812	3.4	31.8	1,736	767.7	Tích cực	9.5	Trung tính	Tích cực	Trung tính
GEE	125,700	7.0%	-1.8%	46,006	6.8	23.3	5,389	194.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VND	23,850	0.6%	5.5%	36,307	1.9	24.0	995	979.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
HCM	27,400	-0.7%	2.6%	29,591	2.9	22.9	1,199	391.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
MSR	24,600	6.0%	3.8%	26,221	2.2	-33.7	-707	37.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SHS	26,600	1.1%	3.1%	23,793	2.1	23.2	1,148	1,030.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
MBS	35,000	0.3%	1.4%	23,055	3.1	23.4	1,498	341.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
BCG	2,530	-0.8%	-21.7%	2,227	0.2	4.8	532	37.2	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CKG	12,400	-3.5%	-6.8%	2,006	1.0	15.5	802	7.3	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SGR	20,400	-0.2%	-10.9%	1,425	1.0	7.2	2,838	7.9	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCD	1,890	3.3%	-21.6%	635	0.2	8.9	212	5.1	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
IDC	37,600	-1.3%	-3.8%	14,269	2.5	9.5	3,977	87.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SZC	33,400	0.6%	-3.2%	6,012	1.9	16.9	1,978	14.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCM	29,300	0.3%	-1.2%	3,283	1.4	10.9	2,693	36.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TNG	19,200	-0.5%	-2.5%	2,354	1.3	6.8	2,841	11.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DC4	11,650	-1.3%	-3.3%	1,110	1.0	6.1	1,910	6.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NHA	21,600	-0.2%	-3.1%	1,050	1.9	14.8	1,462	7.9	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HTN	10,000	-1.0%	-5.7%	891	0.6	15.9	629	5.8	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
AVG	15,000	0.0%	-2.6%	265	1.1	16.4	914	9.2	Tiêu cực	-6.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGI	68,700	0.3%	0.4%	209,722	5.6	36.0	1,913	9.2	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACV	56,200	0.4%	1.1%	201,438	3.2	20.4	2,751	21.6	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FPT	94,500	-1.0%	1.2%	160,981	4.8	18.6	5,092	490.8	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GVR	27,450	0.4%	-1.4%	109,800	2.0	20.6	1,331	28.4	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PLX	33,950	0.1%	-0.6%	43,137	1.7	20.4	1,661	35.4	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SIP	54,900	0.0%	-1.1%	13,292	2.8	10.5	5,215	10.2	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VHC	55,200	1.1%	0.2%	12,390	1.3	8.6	6,444	97.5	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
OIL	11,200	0.9%	0.0%	11,464	1.1	38.3	289	6.7	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
NLG	38,900	-1.02%	-3.11%	58,600	50.6%	1,709	1.6	22.8	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
IDC	37,600	-1.31%	-3.84%	56,100	49.2%	3,977	2.5	9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VHC	55,200	1.10%	0.18%	81,700	48.0%	6,444	1.3	8.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KDH	32,400	0.47%	-3.86%	47,100	45.4%	716	2.1	45.3	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PLX	33,950	0.15%	-0.59%	47,800	40.8%	1,661	1.7	20.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SIP	54,900	0.00%	-1.08%	73,900	34.6%	5,215	2.8	10.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DGC	94,400	1.51%	2.39%	126,000	33.5%	8,175	2.4	11.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACV	56,200	0.36%	1.08%	74,300	32.2%	2,751	3.2	20.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NVL	15,300	-0.65%	-2.24%	20,000	30.7%	85	0.8	180.2	Trung tính	Tiêu cực	Tích cực	Tiêu cực
DCM	36,050	1.26%	-1.50%	46,600	29.3%	3,186	1.9	11.3	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
PVS	32,400	1.25%	-1.22%	41,600	28.4%	2,644	1.1	12.3	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FPT	94,500	-1.05%	1.18%	121,200	28.3%	5,092	4.8	18.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACG	36,000	0.00%	1.27%	45,800	27.2%	2,940	1.3	12.2	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính
SZC	33,400	0.60%	-3.19%	42,400	26.9%	1,978	1.9	16.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TV2	34,600	0.44%	-1.70%	43,900	26.9%	1,065	1.8	32.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SAB	45,950	-0.11%	1.43%	58,000	26.2%	3,185	2.8	14.4	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
PNJ	84,000	-1.06%	0.72%	105,900	26.1%	6,115	2.4	13.7	Trung tính	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DXG	20,650	0.24%	-0.96%	26,000	25.9%	350	1.7	59.1	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PC1	24,750	-0.20%	-3.13%	31,100	25.7%	1,189	1.6	20.8	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
GAS	60,900	0.00%	0.50%	76,100	25.0%	5,002	2.2	12.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Tuan Nhan

**Managing Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 107

tuan.nhan@vietcap.com.vn

Quynh Chau

**Managing Director
Brokerage**

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn